

Số: 2837590

|                                                | BMW 320i SPORTLINE 2025                          | Kia New Carnival 1.6 Turbo Hybrid Premium (Tùy chọn màu nội thất) |
|------------------------------------------------|--------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------|
| Giá niêm yết:                                  | 1.699.000.000đ                                   | 1.629.000.000đ                                                    |
| KÍCH THƯỚC - KHỐI LƯỢNG:                       |                                                  |                                                                   |
| Kích thước tổng thể (mm)                       | 4713 x 1827 x 1440                               | 5155 x 2010 x 1785                                                |
| Chiều dài cơ sở (mm)                           | 2.851                                            | 3090                                                              |
| Bán kính quay vòng tối thiểu (mm)              | 5.300                                            | 5800                                                              |
| Khoảng sáng gầm xe (mm)                        | 135 đến 141                                      | 172                                                               |
| Khối lượng không tải (kg)                      | 1515                                             |                                                                   |
| Khối lượng toàn tải (kg)                       | 2070                                             |                                                                   |
| Thể tích khoang hành lý (L)                    | 480                                              | 1139 - 2460                                                       |
| Dung tích thùng nhiên liệu (L)                 | 59                                               | 72                                                                |
| Số chỗ ngồi                                    | 5                                                | 7                                                                 |
| Nguồn gốc                                      | Lắp ráp trong nước                               | SX-LR trong nước                                                  |
| DẪN ĐỘNG - KHUNG GẮM:                          |                                                  |                                                                   |
| Loại động cơ                                   | I4 2.0L TwinPower Turbo                          | SmartStream 1.6 Turbo Hybrid                                      |
| Dung tích xi lanh (cc)                         | 1.998                                            |                                                                   |
| Công suất cực đại (hp @ rpm)                   | 135 kW (184 HP) @ 5000-6500 vòng/phút            | 242 Hp                                                            |
| Mômen xoắn cực đại (Nm @ rpm)                  | 300 Nm @ 1350-4000 vòng/phút                     | 367 Nm                                                            |
| Hộp số                                         | 8AT Steptronic                                   | 6AT                                                               |
| Hệ thống dẫn động                              | Cầu sau (RWD)                                    | Cầu trước (FWD)                                                   |
| Hệ thống treo trước                            | Mc Pherson tay đòn kép                           | Mc Pherson                                                        |
| Hệ thống treo sau                              | Liên kết đa điểm                                 | Liên kết đa điểm                                                  |
| Hệ thống phanh trước                           | Đĩa                                              | Đĩa thông gió                                                     |
| Hệ thống phanh sau                             | Đĩa                                              | Đĩa đặc                                                           |
| Thông số lốp xe                                | 225/45 R18                                       | 235/55 R19                                                        |
| Tiêu thụ nhiên liệu đô thị (L/100km)           | 9.19                                             | 4.95                                                              |
| Tiêu thụ nhiên liệu ngoài đô thị (L/100km)     | 7.5                                              | 6.06                                                              |
| Tiêu thụ nhiên liệu hỗn hợp (L/100km)          | 7.05                                             | 5.65                                                              |
| Hệ thống dừng/Khởi động động cơ thông minh     | Có                                               |                                                                   |
| Chế độ lái                                     | Tùy chỉnh 03 chế độ lái: Comfort, Eco Pro, Sport | Normal/Eco/Sport/Smart                                            |
| Chế độ địa hình                                | -                                                |                                                                   |
| Trang bị khác                                  | -                                                |                                                                   |
| NGOẠI THẤT:                                    |                                                  |                                                                   |
| Cụm đèn trước                                  | BMW LED                                          | LED                                                               |
| Đèn trước tự động bật/tắt                      | Có                                               | ●                                                                 |
| Đèn trước tự động chiếu xa/chiếu gần           | Có                                               | ●                                                                 |
| Đèn trước chức năng tự động cân bằng góc chiếu | Có                                               |                                                                   |
| Đèn trước mở rộng góc chiếu                    | -                                                |                                                                   |
| Đèn ban ngày LED                               | Có                                               | LED                                                               |
| Đèn sương mù                                   | -                                                |                                                                   |
| Cụm đèn sau                                    | BMW LED                                          | LED                                                               |

|                                      |    |                                   |
|--------------------------------------|----|-----------------------------------|
| Gương chiếu hậu chỉnh điện, gập điện | Có | ●                                 |
| Gạt mưa tự động                      | Có | ●                                 |
| Cửa sổ trời                          | -  |                                   |
| Trang bị khác                        | -  | Bộ bước chân, Cửa hông trượt điện |

### **NỘI THẤT - TIỆN NGHI:**

|                                      |                                                |                 |
|--------------------------------------|------------------------------------------------|-----------------|
| Vô lăng bọc da                       | Có                                             | ●               |
| Chất liệu ghế                        | Da Sensatec                                    | Da              |
| Ghế người lái chỉnh cơ               | -                                              |                 |
| Ghế người lái chỉnh điện             | Có                                             | ●               |
| Ghế người lái có nhớ vị trí          | Có                                             | ●               |
| Ghế hành khách phía trước chỉnh cơ   | -                                              |                 |
| Ghế hành khách phía trước chỉnh điện | Có                                             | ●               |
| Hàng ghế trước có tính năng làm mát  | -                                              | ●               |
| Hàng ghế trước có tính năng sưởi     | -                                              | ●               |
| Hàng ghế trước có tính năng massage  | -                                              |                 |
| Tính năng cửa hít                    | -                                              |                 |
| Kính cửa sổ chỉnh điện               | Có                                             | ●               |
| Màn hình đồng hồ đa thông tin        | Màn hình đa thông tin 12.3-inch                | 4.2             |
| Màn hình giải trí trung tâm          | Màn hình điều khiển trung tâm 14.9-inch        | 12.3            |
| Kết nối Apple Carplay/Android Auto   | Có                                             | Không dây       |
| Hệ thống điều hòa tự động            | Có                                             | ●               |
| Số vùng khí hậu điều hòa             | 3                                              | 3               |
| Cửa gió cho hàng ghế sau             | Có                                             | Hàng 2 và 3     |
| Chìa khóa thông minh                 | Có                                             | ●               |
| Khởi động nút bấm                    | -                                              | ●               |
| Khởi động từ xa                      | -                                              | ●               |
| Hệ thống âm thanh                    | Hệ thống âm thanh HiFi, 10 loa, công suất 205W | 6 loa           |
| Lấy chuyển số                        | Có                                             | ●               |
| Sạc không dây Qi                     | Có                                             |                 |
| Phanh đỗ điện tử                     | Có                                             | ●               |
| Giữ phanh tự động Autohold           | Có                                             | ●               |
| Đèn trang trí nội thất               | Có                                             | ●               |
| Rèm che nắng                         | -                                              | ● (hàng 2 và 3) |
| Móc khóa ghế trẻ em ISOFIX           | Có                                             | ●               |

### **AN TOÀN:**

|                                            |    |            |
|--------------------------------------------|----|------------|
| Số túi khí                                 | 6  | 8          |
| Hệ thống chống bó cứng phanh ABS           | Có | ●          |
| Hệ thống phân phối lực phanh EBD           | Có | ●          |
| Hệ thống hỗ trợ phanh khẩn cấp BA          | Có | ●          |
| Hệ thống cảnh báo phanh khẩn cấp ESS       | Có | ●          |
| Hệ thống cân bằng điện tử                  | Có | ●          |
| Hệ thống kiểm soát lực kéo chống trượt TCS | Có | ●          |
| Hệ thống hỗ trợ khởi hành ngang dốc HLA    | Có | ●          |
| Mã hóa chống sao chép chìa khóa            | Có | ●          |
| Hệ thống cảnh báo chống trộm               | -  | ●          |
| Cảm biến hỗ trợ đỗ xe                      | Có | Trước, sau |

|                                                 |        |   |
|-------------------------------------------------|--------|---|
| Hệ thống cảnh báo điểm mù                       | -      | ● |
| Hệ thống cảnh báo phương tiện cắt ngang khi lùi | -      | ● |
| Hệ thống cảnh báo lệch làn đường                | -      | ● |
| Hệ thống hỗ trợ giữ làn đường                   | -      | ● |
| Hệ thống hỗ trợ phanh chủ động                  | Lùi xe | ● |
| Hệ thống điều khiển hành trình                  | Có     |   |
| Hệ thống điều khiển hành trình thích ứng        | -      | ● |
| Hệ thống cảnh báo áp suất lốp                   | Có     | ● |
| Camera lùi                                      | Có     | ● |